

I. CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỔ PHẦN HÓA CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Chủ trương cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước được đặt ra sớm từ đầu những năm 1990:

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa 7 (tháng 11 năm 1991) đã ghi: "Chuyển một số doanh nghiệp quốc doanh có điều kiện thành công ty cổ phần và thành lập một số công ty quốc doanh cổ phần mới, phải làm thí điểm chỉ đạo chặt chẽ, rút kinh

về tiếp tục thí điểm chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần; Quyết định số 203/CT ngày 8.6.1992 chọn 7 doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ chỉ đạo thí điểm và giao nhiệm vụ cho mỗi bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chọn từ 1 đến 2 doanh nghiệp thí điểm chuyển thành công ty cổ phần.

- Chỉ thị số 84/TTg ngày 4.3.1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc xúc tiến thực hiện thí điểm cổ

(Bộ Công nghiệp)

3. XN nguyên vật liệu chế biến thức ăn gia súc Hà Nội (Bộ Nông nghiệp).

4. XN Chế biến gỗ lạng Long Bình (Bộ nông nghiệp)

5. Công ty Vật tư tổng hợp Hải Hưng (Bộ Thương mại)

6. XN sản xuất bao bì (TP. Hà Nội)

7. XN Dệt da may Legamex (TP.HCM)

Sau một thời gian làm thử, 7

TIẾN TRÌNH VÀ TRIỂN VỌNG CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

PTS. TRẦN CÔNG BẦY

Tổng cục trưởng Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

nghiệm chu đáo trước khi mở rộng trong phạm vi thích hợp".

- Nghị quyết Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Khóa 7 (tháng 1.1994) chỉ rõ cổ phần hóa nhằm thu hút thêm vốn cho doanh nghiệp.

- Nghị quyết Bộ chính trị về tiếp tục đổi mới để phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước (số 10 - NQ/TW) đã chỉ rõ: "...tùy tính chất loại hình doanh nghiệp mà tiến hành bán một tỷ lệ cổ phần cho CBCNV...và bán cổ phần cho tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp".

- Thông báo số 63 - TB/TW ngày 4.4.1997 của Bộ chính trị khẳng định tiếp tục triển khai tích cực và vững chắc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới.

- Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội Khóa VIII ngày 26.12.1991 về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 91 - 95 đã ghi: "Thí điểm việc cổ phần hóa một số cơ sở kinh tế quốc doanh để rút kinh nghiệm và có thêm nguồn vốn phát triển".

Thực hiện Nghị quyết của Đảng và Quốc hội, chính phủ đã ban hành các văn bản:

- Quyết định số 202/CT ngày 08.6.1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng chính phủ)

phần hóa doanh nghiệp nhà nước và các giải pháp đa dạng hóa hình thức sở hữu đối với các doanh nghiệp nhà nước.

- Nghị định số 28/CP ngày 7.5.1996 của Chính phủ về chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

- Nghị định số 25/CP ngày 26.3.1997 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 28/CP ngày 7.5.1996.

- Chỉ thị số 658/TTg ngày 20.8.1997 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy triển khai vững chắc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TỪ 1992 ĐẾN NAY

a. Thực hiện QĐ số 202/CT, các bộ ngành đã hướng dẫn doanh nghiệp nhà nước đăng ký thực hiện thí điểm chuyển sang công ty cổ phần. Trên cơ sở số lượng doanh nghiệp nhà nước đã đăng ký, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ra Quyết định số 203/CT ngày 8.6.1992 chọn 7 doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ chỉ đạo thí điểm chuyển thành công ty cổ phần, đó là:

1. Nhà máy Xà phòng VN (Bộ Công nghiệp).

2. Nhà máy Diêm Thống Nhất



doanh nghiệp nhà nước được Chính phủ chọn thí điểm đều xin rút, hoặc không đủ điều kiện để tiến hành cổ phần hóa như Legamex, Nhà máy Xà phòng VN...

Hơn 30 doanh nghiệp đã ký với Bộ Tài chính để thí điểm thực hiện cổ phần hóa và 3 DNNN xin chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo Chỉ thị 84/TTg. Sau 4 năm thực hiện quyết định 202/CT có 5 doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần, đó là:

1. Cty CP Đại lý liên hiệp vận chuyển (thuộc Bộ Giao thông).

2. Cty CP Cơ điện lạnh (TP.HCM)

3. Cty CP Giấy Hiệp An (Bộ Công Nghiệp)

4. Cty CP Chế biến hàng xuất khẩu Long An (tỉnh Long An)

5. Cty CP Chế biến thức ăn gia súc (Bộ Nông nghiệp).

Hai doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn là Công ty dịch vụ Thương mại tổng hợp quận Hồng Bàng (Hải Phòng) và Công ty Gạch bông Đức Tân (TP.HCM).

Sau 4 năm thực hiện đã đúc rút được một số kinh nghiệm để bổ sung và sửa đổi chế độ về cổ phần hóa, ngày 7.5.1996 Chính phủ đã ra Nghị

định số 28/CP thay cho Quyết định số 202/CT với những quy định cụ thể rõ ràng hơn.

b. Thực hiện Nghị định số 28/CP: Công tác cổ phần hóa đã được quan tâm hơn, các ngành, các cấp đã triển khai một số việc sau:

(1) **Củng cố tổ chức, bổ sung thành viên vào Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, kiện toàn và thành lập các Ban Chỉ đạo cổ phần hóa ở địa phương.** Đến nay đã có:

- Ban Chỉ đạo trung ương cổ phần hóa do Bộ trưởng Bộ Tài chính làm trưởng ban và một số ngành làm thành viên: Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ lao động - Thương binh và xã hội, Ban Chỉ đạo Trung ương đổi mới doanh nghiệp, Ban Kinh tế Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Tổng liên đoàn Lao động VN.

- Có 31 trên 61 địa phương thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa, chiếm 50%, các địa phương khác do Ban đổi mới doanh nghiệp kiêm nhiệm hoặc giao cho một tổ chuyên viên giúp việc.

- Có 16 bộ, ngành, tổng công ty nhà nước thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Việc hình thành các Ban Chỉ đạo cổ phần hóa ở các bộ, địa phương còn chậm, chưa có kế hoạch cụ thể triển khai công việc, tư tưởng của các địa phương còn chờ đợi xem các địa phương khác làm thế nào.

(2). Một số bộ, địa phương đã tổ chức hội nghị truyền đạt chủ trương chính sách về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cho đội ngũ cán bộ chủ chốt như Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Bộ Thủy sản, Bộ xây dựng, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Định, tỉnh Quảng Ninh... Tuy nhiên còn nhiều địa phương và ngành chưa chú ý đến công tác tuyên truyền hướng dẫn giải thích cho cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp

hiểu chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là một trong những nguyên nhân gây chậm trễ trong quá trình triển khai thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

(3). **Thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước**

Đến nay có 36 tỉnh, thành phố, bộ, ngành và các tổng công ty 91 đã đăng ký hơn 200 DN thực hiện cổ phần hóa, chiếm 3% số DNNN.

Từ khi có Nghị định số 28/CP, đã thực hiện cổ phần hóa được 13 doanh nghiệp, số doanh nghiệp đang tiến hành ở các bước xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán: 30 doanh nghiệp. Cho tới nay có 18 doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa chuyển sang hoạt động theo Luật công ty.

* Phân theo ngành kinh tế:

- Ngành giao thông vận tải: 4 DN

- Ngành công nghiệp: 7 DN

- Ngành xây dựng: 1 DN

- Chế biến nông lâm thủy hải sản: 3 DN

- Dịch vụ: 3 DN

* Phân theo lãnh thổ:

- TP.HCM: 10 DN

- Hà Nội: 1 DN

- TP Hải Phòng: 1 DN

- Tỉnh Long An: 1 DN

- Tỉnh Ninh Bình: 1 DN

- Tỉnh Bình Định: 1 DN

- Tỉnh Cà Mau: 1 DN

- TP Đà Nẵng: 1 DN

- Tỉnh An Giang: 1 DN

* Phân theo thành phần và cơ cấu sở hữu: Trong số 18 doanh nghiệp có 1 doanh nghiệp nhà nước không nắm giữ cổ phần là Công ty Đầu tư sản xuất và thương mại Hà Nội (XN Mộc)

Còn lại 17 công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ ít nhất là 18%, cao nhất là 51% cổ phần công ty; cổ đông do người lao động trong công ty chiếm từ 18 đến 50%; cổ phần còn lại là cổ đông ngoài xã hội nắm giữ.

* Đánh giá kết quả bước đầu ở các doanh nghiệp cổ phần hóa:

Trong số 18 doanh nghiệp nhà nước đã chuyển thành công ty cổ phần, có 11 doanh nghiệp hoạt động từ 1 năm trở lên, trong đó có 2 doanh nghiệp trước khi chọn làm thí điểm cổ phần hóa có những điều kiện thuận lợi, hoạt động có lãi cao như Công ty cổ phần Cơ điện lạnh, Công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển. Nhiều doanh nghiệp trước cổ phần hóa kinh doanh kém hiệu quả, lợi nhuận thấp, vốn giảm dần như Xi nghiệp VIFOCO, XN chế biến hàng xuất khẩu Long An, XN sửa chữa và đóng mới tàu thuyền Bình Định... Từ khi chuyển sang công ty cổ phần sản xuất kinh doanh phát triển, có tiến bộ về mọi mặt, nhà nước và doanh nghiệp đều có lợi.

+ Đối với doanh nghiệp:

- Vốn tăng bình quân 45%/năm.

- Doanh thu tăng bình quân 56,9%/năm.

- Lợi nhuận: tăng bình quân 70,2%/năm.

- Nộp ngân sách tăng bình quân 98%/năm.

- Lao động (chỗ làm việc) tăng bình quân 46,8%/năm.

- Thu nhập của người lao động tăng bình quân 20%/năm.

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu: 14,1%.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn: 74,6%

+ Đối với nhà nước:

Do sản xuất phát triển, doanh thu tăng, lợi nhuận tăng nên tiền thuế các công ty cổ phần nộp cao hơn khi còn là doanh nghiệp nhà nước, ngoài ra Nhà nước còn thu 37.724 triệu được từ các nguồn như sau:

- Tiền thu về bán cổ phần: 30.207 triệu đồng

- Phần lợi tức của Nhà nước tại các công ty cổ phần: 6.995 triệu đồng



- Lãi tiền vay mua chịu cổ phần của CBCNV: 522 triệu đồng

(Chưa kể số tiền cán bộ công nhân viên trong các công ty cổ phần mua chịu cổ phiếu là 14.749 triệu đồng, sau 5 năm phải trả nhà nước).

- Vốn cổ phần của nhà nước ban đầu là 28 tỷ 005 đến 31.12.1996 đã nâng lên được 47 tỷ 044.

- Trong năm 1997, các công ty cổ phần vẫn có mức tăng trưởng khá so với năm 1996.

Doanh thu bằng 63,6%

Lợi nhuận bằng 60,6%

Tích lũy vốn tăng 15%

Thu nhập của người lao động tăng 9%

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn 28%.

+ Đối với người lao động và xã hội:

Thu nhập của người lao động cao hơn khi còn là quốc doanh từ 1,5 đến 2 lần, có công ty gấp hơn 2 lần chưa kể nguồn thu từ lợi tức cổ phần khoảng 22,24%/năm. Ngoài số lao động cũ, các công ty đã thu hút thêm hơn 1.000 lao động ngoài xã hội vào làm việc.

Việc đầu tư vào các công ty cổ phần thu được lợi tức cao hơn gửi tiết kiệm và vốn của người lao động trong công ty tăng, đã gấp 1,5 đến 2 lần so với lúc mới mua cổ phiếu. Do lãi cao đã bổ sung thêm vào vốn, đến nay giá trị cổ phần đã tăng gấp 4 - 5 lần như Công ty cổ phần Cơ điện lạnh và Công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển.

(4). Ngoài các doanh nghiệp cổ phần hóa, hiện nay một số bộ, địa phương đã thành lập công ty cổ phần theo các hình thức: giữa doanh nghiệp Nhà nước với doanh nghiệp nhà nước, giữa doanh nghiệp nhà nước với tư nhân, giữa các tư nhân với nhau, trên 200 công ty.

(5). Đến nay số doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần hóa còn ít, thời gian hoạt động chưa dài, từ kết quả đạt được có thể rút ra nhận định bước đầu như sau:

- Việc huy động vốn của các công ty cổ phần chủ yếu để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, năng lực sản xuất kinh doanh nên năng suất, hiệu quả, lợi nhuận cao hơn trước.

- Quyền lợi của người lao động trong công ty đồng thời là các cổ đông gắn với quyền lợi của công ty, người lao động một mặt làm việc với tinh

thần trách nhiệm cao vì quyền lợi của mình, mặt khác cũng yêu cầu hội đồng quản trị, giám đốc điều hành phải chỉ đạo và lãnh đạo công ty hoạt động có hiệu quả để có lợi nhuận cao hơn.

- Các công ty cổ phần vẫn duy trì những mặt tốt trong quản lý điều hành, các hiện tượng tiêu cực giảm, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường.

- Việc cổ phần hóa là chuyển từ sở hữu nhà nước cổ đông duy nhất sang sở hữu của nhiều cổ đông, không phải tư nhân hóa; tạo điều kiện cho người lao động thật sự làm chủ doanh nghiệp, khai thác và động viên mọi nguồn vốn trong xã hội vào hoạt động kinh doanh, làm cho tài sản xã hội tăng lên.

(6). Bên cạnh mặt tích cực, còn một số vấn đề cần phải nghiên cứu thêm:

Cần bổ sung sửa đổi một số chính sách về cổ phần hóa như:

- Định giá doanh nghiệp nhà nước để chuyển sang công ty cổ phần.

- Quyền lợi của DNNN khi đã chuyển sang công ty cổ phần.

- Quyền lợi của các cổ đông; quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp nhất là lao động có thu nhập thấp.

- Chế độ quản lý nhà nước đối với công ty cổ phần.

- Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan và người được cử làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

- Bổ sung và sửa đổi Luật Công ty và các văn bản hướng dẫn luật.

- Thủ tục bước đi và quy trình về cổ phần hóa còn rườm rà, cần sửa đổi đơn giản hơn để thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp.

(7). Nguyên nhân thực hiện cổ

phần hóa chậm

7.1. Các ngành, các cấp ở trung ương và địa phương chưa quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa một số doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang công ty cổ phần:

a. Một số lãnh đạo chính quyền cơ sở lo ngại cổ phần hóa làm mất chủ quyền của Nhà nước, làm mất vai trò kinh tế của quốc doanh, từ đó do dự chần chừ, chưa muốn cổ phần hóa, chờ đợi.

b. Một số cán bộ lãnh đạo của doanh nghiệp chưa thấy được sự cần thiết của việc cổ phần hóa, đa số lo ngại mất quyền lợi, địa vị; người lao động lo lắng về đời sống sợ mất việc làm sợ giảm thu nhập, do vậy không hăng hái tiến hành cổ phần hóa.

7.2. Đất nước ta còn nghèo, các doanh nghiệp nhà nước phần lớn làm ăn kém hiệu quả, người dân chưa có thói quen chịu rủi ro bằng cách đầu tư mua cổ phiếu, chưa có thị trường

chứng khoán.

7.3. Công tác chỉ đạo của Nhà nước chậm và còn lúng túng:

a. Nhà nước chưa có các văn bản đủ tầm cỡ về mặt pháp lý (Luật, Pháp lệnh về cổ phần hóa).

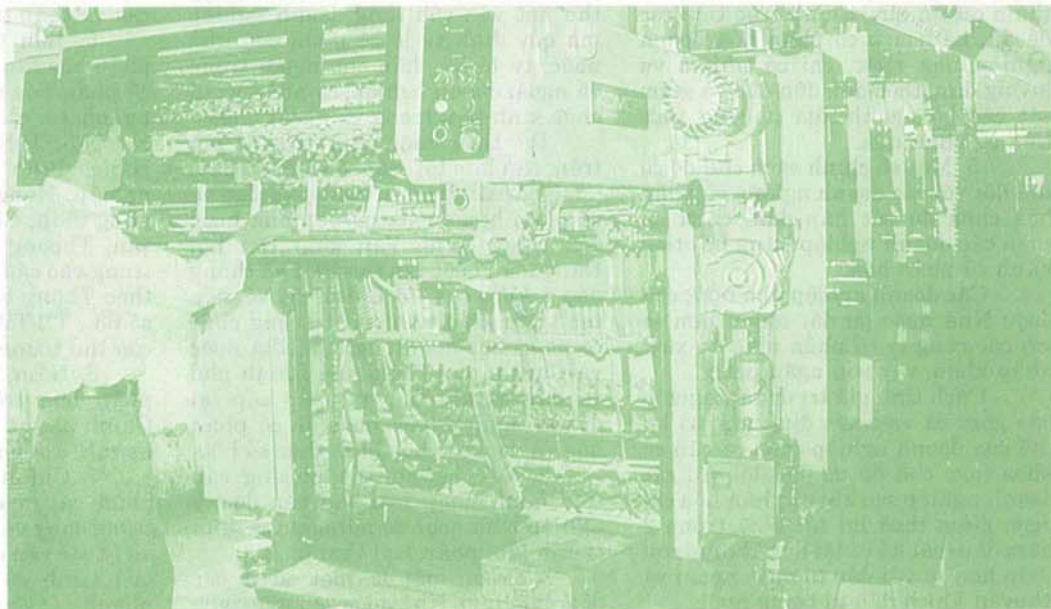
b. Một số nội dung trong văn bản chỉ đạo chưa rõ ràng, thiếu cụ thể, nhiều vấn đề chưa được khẳng định dứt khoát như:

- Trách nhiệm của các bộ, ngành, các địa phương trong việc chỉ đạo cổ phần hóa.

- Cổ phần hóa là tự nguyện hay bắt buộc?

- Những doanh nghiệp nào sẽ cổ phần hóa, những doanh nghiệp nào chưa, hoặc không cổ phần hóa...

- Tỷ lệ cổ phần chi phối của Nhà nước, tỷ lệ dành cho người lao động



trong doanh nghiệp, tỷ lệ bán ra ngoài xã hội... bao nhiêu là vừa?

- Việc bán cổ phần cho người nước ngoài có có quy định nhưng chưa có văn bản hướng dẫn để thực hiện, các ngành, các cấp ít quan tâm đến việc huy động vốn bằng hình thức này, còn lúng túng chưa dám làm.

c. Việc giải quyết một số thủ tục về pháp lý để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa rất chậm như thủ tục pháp lý về nhà xưởng, đất đai, xác định vốn và chuyển vốn đối với doanh nghiệp sử dụng những tài sản nhà nước do nhiều cơ quan quản lý.

d. Quy trình cổ phần hóa rườm rà, phức tạp, nhiều thủ tục phiền phức, tốn kém.

7.4. Bộ phận chỉ đạo cổ phần hóa ở cả Trung ương và địa phương đều kiêm nhiệm nên chưa tập trung vào công tác chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, dẫn đến công việc bị chậm trễ, kéo dài. Ban chỉ đạo trung ương cổ phần hóa không đủ thẩm quyền quyết định trực tiếp các đề án, kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chỉ có nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và giám sát các bộ ngành, địa phương thực hiện cổ phần hóa.

7.5. Một số chính sách chế độ cụ thể đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa chưa đủ sức hấp dẫn, chưa lôi cuốn các doanh nghiệp hăng hái tiến hành cổ phần hóa:

- Các doanh nghiệp nhà nước còn được Nhà nước ưu đãi nhiều hơn so với các công ty cổ phần như: về xuất nhập khẩu, vay vốn ngân hàng...

- Cách tính giá trị doanh nghiệp bao gồm cả việc xác định giá trị lợi thế của doanh nghiệp chưa có căn cứ khoa học; chế độ ưu đãi đối với các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa chỉ được giảm thuế lợi tức 50% trong 2 năm đầu (bất kể có lãi hay không) còn thấp hơn so với đầu tư nước ngoài và khuyến khích đầu tư trong nước.

7.6. Huy động vốn của toàn xã hội là một mục tiêu chủ yếu của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhưng tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài xã hội còn quá thấp. Việc tuyên truyền phổ biến chủ trương chính sách về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chưa được tiến hành sâu rộng trong nhân dân và người lao động trong doanh nghiệp nhà nước, kể cả trong các doanh nghiệp dự định tiến hành cổ phần hóa. Đây là sự nghiệp của toàn dân mà đại bộ phận nhân dân chưa quan tâm nên gặp khó khăn trong quá trình triển khai.

III. CỔ PHẦN HÓA TRONG THỜI GIAN TỚI

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã xác định: "Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm

vốn, tạo thêm động lực để thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng lên, là sự kết hợp giữa kinh tế nhà nước với kinh tế của nhân dân để phát triển đất nước chứ không phải để tư nhân hóa. Bên cạnh những doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước nắm đa số hay tỷ lệ cổ phần chi phối, gọi thêm cổ phần hoặc bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp; cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp tùy từng trường hợp cụ thể, vốn huy động được phải dùng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh".

Trong Báo cáo chương trình hành động của Chính phủ tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội Khóa X đã ghi: "Đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế kinh doanh có quy mô vừa và lớn, hoạt động có hiệu quả và có khả năng phát triển, cần xúc tiến chủ trương đa dạng hóa sở hữu, huy động thêm vốn thông qua cổ phần hóa; tùy tính chất và khả năng thu hút vốn của từng doanh nghiệp mà quy định tỷ lệ cổ phần của nhà nước, tỷ lệ cổ phần cho người trong và ngoài doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức kinh tế ở trong và ngoài nước".

Để thực hiện chủ trương nói trên, cần làm tốt một số việc sau đây:

1. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Đảng trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và thông báo ý kiến của Bộ Chính trị về tiếp tục triển khai tích cực và vững chắc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước để cổ phần hóa và đa dạng hóa hình thức sở hữu.

2. Các ngành, địa phương cần tiến hành phân loại sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước do mình quyết định thành lập, phân loại thành:

* Trước mắt là một số ít các doanh nghiệp Nhà nước cần giữ 100% vốn của Nhà nước hoặc có cổ phần chi phối mà các thành phần kinh tế khác không muốn hoặc không có khả năng đầu tư vốn.

* Các doanh nghiệp có vốn nhà nước dưới 1 tỷ đồng làm ăn thua lỗ triển miên thì cho thuê, sáp nhập, bán, giao cho công nhân sử dụng hoặc phá sản.

* Các doanh nghiệp còn lại không phụ thuộc quy mô, ngành nghề đều thuộc diện cổ phần hóa với bước đi thích hợp.

3. Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố chưa thành lập ban chỉ đạo cổ phần hóa cần khẩn trương thành lập ngay như các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Riêng một số bộ và các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM cần thành lập hẳn Ban chỉ đạo Cổ

phần hóa hoạt động theo chế độ chuyên trách để giúp ủy ban nhân dân thành phố và bộ giải quyết các công việc về cổ phần hóa. Các địa phương, ngành cần được quán triệt chủ trương cổ phần hóa, trước tiên đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo các ban, ngành, sở đến các cấp lãnh đạo doanh nghiệp, đồng thời giải thích trong nhân dân về chủ trương chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

4. Nghiên cứu sửa đổi bổ sung hoặc ban hành mới Nghị định của Chính phủ về cổ phần hóa phù hợp với yêu cầu và những vấn đề đặt ra trong quá trình cổ phần hóa từ đối tượng, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động trong doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, đồng thời cần xem xét mối quan hệ giữa giai cấp công nhân với nông dân, nhất là vùng nguyên liệu cho công nghiệp. Đảm bảo sự công bằng, có chính sách hỗ trợ những người có thu nhập thấp trong doanh nghiệp, giảm bớt chênh lệch giữa người có thu nhập cao và thấp trong doanh nghiệp.

5. Ban Chỉ đạo trung ương cổ phần hóa tập trung chỉ đạo thực hiện cổ phần hóa ở địa phương và các bộ, ngành có nhiều doanh nghiệp như: Hà Nội, Hải Phòng, TP.HCM, Đà Nẵng, Bình Dương... các Bộ: Công nghiệp, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Thủy sản, Thương mại. Xây dựng và tập trung vào các doanh nghiệp và ngành theo Thông báo ý kiến Bộ Chính trị số 63 - TB/TW và Chỉ thị số 658/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

6. Năm 1998 phải thực hiện cổ phần hóa trên 150 doanh nghiệp, Chính phủ sẽ giao chỉ tiêu cho các bộ, ngành, địa phương.

7. Chính phủ giao nhiệm vụ và phân cấp mạnh cho các bộ, ngành trung ương và UBND tỉnh, thành phố xử lý các vấn đề cụ thể nảy sinh trong quá trình cổ phần hóa, giải quyết nhanh các yêu cầu không phải chờ đợi kéo dài.

8. Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, trước hết là trong các DNNN về chủ trương cổ phần hóa với những sửa đổi bổ sung về chế độ khuyến khích tạo ra sự quan tâm của toàn xã hội với chủ trương quan trọng này.

Làm tốt những công việc nói trên là tạo môi trường đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN góp phần thực hiện thắng lợi đường lối công nghiệp hóa hiện đại hóa nền kinh tế nước nhà phát triển với tốc độ cao và bền vững.

Bài tham luận tại Hội thảo quốc tế về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước do Bộ tài chính và Ngân hàng thế giới (WB) tổ chức ngày 19 và 20.2.1998 tại Hà Nội.